TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2547/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Viết X, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn bà Đoàn Thị N trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Đoàn Thị N**)** và ông Phạm Viết X, tự nguyện kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã TP cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2022, quyển số 01 ngày 08/02/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống êm ấm, hạnh phúc. Cho đến năm 2015, thì ông Phạm Viết X ham mê cờ bạc, gây ra nợ nần càng ngày càng nhiều, nhậu nhẹt về là gây rối, bạo lực gia đình. Cho đến tháng 5/2016, ông X doạ uống thuốc tự tử buộc tôi phải trả nợ cho ông X. Tôi đã nhiều lần đứng ra trả nợ cho ông X, trả nợ cho ông Nguyễn Tấn H, Đặng Hoàng N1, Huỳnh Tiến H… và đến cuối năm 2016 tôi lại tiếp tục trả nợ cho ông X thêm lần nữa. Đầu năm 2019, ông X lại tiếp tục gây nợ nên tình hình vợ chồng rất căng thẳng, cha mẹ ông X cho mượn tiền để tôi (Nhâm) đứng

ra trả nợ thay cho ông X. Ông X vẫn chứng nào tật đó tiếp tục gây nợ, tháng 8/2020 ông X lén lút lấy trộm giấy tờ xe máy đi cầm để lấy tiền tiếp tục đánh bạc. Cuộc sống cứ như thế tôi không thể nào chịu nổi, cứ đi làm có tiền về trả nợ cho ông X. Ông X càng ngày càng ăn nhậu bê tha, về nhà chửi bới, đập phá đồ đạc, tôi đã nhiều lần gọi Công an phường TD giải quyết. Ngày 05/10/2020, tôi đi làm về ông X liền chửi bới tôi không thương tiếc, cháu H1 ra can ngăn thì bị ông X đánh trúng vùng đầu gây chảy máu phải nhập viện khâu vết thương cầm máu và tôi đã báo Công an phường TD giải quyết, ông X bị xử phạt hành chính. Vợ chồng đã không còn gần gủi từ năm 2020 cho đến nay, không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì vậy, đời sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi (N) được ly hôn với ông Phạm Viết X.

- Về con chung: Tôi (Đoàn Thị N**)** và ông Phạm Viết X có 02 con chung tên Phạm Đoàn Nguyễn H1, sinh ngày 13/9/2002 và Phạm Đoàn Tuấn B, sinh ngày 05/5/2004. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu B và không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H1 đã trưởng thành, tự lập nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay tôi làm Công nhân tại Công ty ChangShin Viêt Nam – xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng và làm thêm cho Đại lý Bảo hiểm nhân thọ, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con. Có nhà ở tại địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN đảm bảo chỗ ở cho con.

Tại phiên toà, bà Nhâm cho rằng con chung Phạm Đoàn Tuấn B, sinh ngày 05/5/2004 tính đến thời điểm xét xử (ngày 30/5/2022) đã thành niên, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên bà Nhâm không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Tôi (N) tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Phạm Viết X có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2022 có tại hồ sơ, bị đơn ông Phạm Viết X trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Phạm Viết X) và bà Đoàn Thị N tự nguyện kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã TP cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2022, quyển số 01 ngày 08/02/2002. Tôi xác định vợ chồng có mâu thuẫn do trước đây tôi thường xuyên đánh bạc có gây nợ nần. Giữa năm 2019 tôi không còn đánh bạc nữa và cho đến nay tôi còn nợ bên ngoài số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), số tiền này tôi tự xử lý riêng, không liên quan gì đến bà N. Còn bạo lực gia đình thì tôi không có thường xuyên, chỉ có một lần tôi và con tôi tên là H1 có mâu thuẫn với nhau nên tôi có lấy gạt tàn thuốc bằng sứ đánh trúng vào đầu (vùng trán) của H1 gây chảy máu, Công an phường TD có triệu tập tôi ra phường làm việc lập biên bản và tôi bị UBND phường

TD xử phạt hành chính số tiền 1.750.000đ vào tháng 10/2020 do bạo lực gia đình, ngoài ra tôi không có lần nào khác bạo lực gia đình. Hiện nay tôi và bà N vẫn sống chung nhà tại địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN nhưng không còn sinh hoạt vợ chồng từ 01/10/2020 cho đến nay, tôi và bà N mặc dù sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng địa phương không biết vì chúng tôi không có làm đơn khởi kiện ra UBND phường TD. Bà N có đơn khởi kiện xin ly hôn với tôi thì tôi (X) không đồng ý ly hôn với bà N. Lý do: cha mẹ tôi đã lớn tuổi, tôi và bà N ly hôn nhau làm cha mẹ buồn lòng; con cái buồn lòng; tôi còn thương bà N nên không muốn ly hôn, ngoài ra không có lý do gì khác. Còn nếu Toà án giải quyết cho bà Nhâm được ly hôn với tôi (X) thì tôi đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Tôi (Phạm Viết X) và bà Đoàn Thị N có 02 con chung tên là Phạm Đoàn Nguyễn H1, sinh ngày 13/9/2002 và Phạm Đoàn Tuấn B, sinh ngày 05/5/2004. Khi ly hôn, tôi (X) đồng ý giao cháu B cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu H1 đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông X không trình bày gì khác.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Đoàn Thị N thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông Phạm Viết X có đến Toà án cung cấp lời khai nhưng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị N về quan hệ hôn nhân, về con chung. Còn về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Viết X, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn ông Phạm Viết X có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 15/12/2021, xét đơn của ông X làm hợp lệ nên chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đoàn Thị N và ông Phạm Viết X tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã TP cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2022, quyển số 01 ngày 08/02/2002. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa ông X và bà N được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Đoàn Thị N kiên quyết đề nghị HĐXX giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Phạm Viết X do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh ngày 10/5/2021 tại UBND phường TD (Bút lục số 31) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: "Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông X và bà N địa phương không nắm rõ do đương sự không báo"; theo biên bản xác minh ngày 24/5/2021 tại Công an phường TD, thành phố BH (Bút lục số 30) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: "Ngày 04/10/2020, ông X có hành vi dùng các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên gia đình và bị UBND phường TD ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.750.000đ theo quyết định số: 2120/QĐ-XPVPHC ngày 23/10/2020". Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp hòa giải để bà N và ông X đoàn tụ nhưng ông X có đơn xin vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Theo biên bản lấy lời khai có tại hồ sơ ông X không đồng ý ly hôn với bà N với lý do: cha mẹ tôi đã lớn tuổi, tôi và bà N ly hôn nhau làm cha mẹ buồn lòng; con cái buồn lòng; tôi còn thương bà N nên không muốn ly hôn, ngoài ra không có lý do gì khác. Còn nếu Toà án giải quyết cho bà N được ly hôn với tôi (X) thì tôi (X) đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, bà N và ông X đề thừa nhận mặc dù sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không gần gủi nhau từ năm 2020 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Đồng thời, ông X thường xuyên đánh bạc gây nợ nần, bà D phải nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho ông X dẫn đến mất khả năng trả nợ; bạo lực gia đình bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Việc nguyên đơn bà Đoàn Thị N khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn ông Phạm Viết X, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét xử cho bà Đoàn Thị N được ly hôn với ông Phạm Viết X.

- Về con chung:

Tại bản khai có tại hồ sơ, khi ly hôn bà N yêu cầu Toà án giao con chung Phạm Đoàn Tuấn B, sinh ngày 05/5/2004 cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng, ông X đồng ý giao cháu B cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông X không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung là Phạm Đoàn Nguyễn H1, sinh ngày 13/9/2002 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/5/2022, cháu Phạm Đoàn Tuấn B, sinh ngày 05/5/2004 đã thành niên, đủ khả năng nuôi sống bản thân, nguyên đơn bà N không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Đoàn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị N được ly hôn với ông Phạm Viết X.

- Về con chung: Các cháu Phạm Đoàn Nguyễn H1, sinh ngày 13/9/2002 và Phạm Đoàn Tuấn B, sinh ngày 05/5/2004 đã thành niên, đủ khả năng nuôi sống bản thân, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0007531 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn bà Đoàn Thị N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Viết X vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Phạm Tuân

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã TP, huyện VC, tỉnh ĐN (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển 01, ngày 08/02/2002);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.